TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **216**/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 01 - 02 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung
Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Trong các các ngày 17 tháng 01 và 01 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2017/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1213/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3210/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lư Thanh L, sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: Số X, xã TTĐ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - bà Lê Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là ông Lư Thanh L trình bày:

Ông và bà Lê Thị Ngọc T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn năm 1998 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do bà T có mâu thuẫn với gia đình chồng, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, gây gổ, mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến ai. Từ năm 2012 đến nay ông L bà T không còn sống chung, tình cảm không còn do đó ông xin ly hôn bà T.

Ông và bà T có 03 con chung là Lư Lê Duy Hiếu, sinh ngày 01/6/1998 đã trưởng thành, Lư Lê Duy K sinh ngày 23/9/2005 và Lư Lê Diệu H2 sinh ngày 30/4/2014. Ông L yêu cầu được nuôi con trai là Duy K (bị bệnh đao nhẹ), giao bà T nuôi con gái là Diệu H2, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: có 01 căn nhà số X, xã TTĐ, huyện C trị giá 2.200.000.000 đồng và 01 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín trị giá 735.000.000 đồng. Khi nộp đơn ly hôn ông L yêu cầu chia số tài sản chung này nhưng quá trình giải quyết vụ án đã rút lại yêu cầu này, không yêu cầu tòa án giải quyết nữa.

Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

Theo bị đơn là bà Lê Thị Ngọc T trình bày:

Bà thống nhất trình bày của ông L về việc kết hôn, con chung và nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung không có là đúng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà thừa nhận từ năm 2012 đến nay bà và ông L không còn sống chung, Thời gian chung sống ông L thường xuyên đánh đập, bạo hành bà, rồi bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhưng bà không đồng ý ly hôn vì muốn con có gia đình đầy đủ và bà vẫn còn thương ông L.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1213/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Lư Thanh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Lư Thanh L và bà Lê Thị Ngọc T.

2. Về con chung: Ông L được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lư Lê Duy K đến tuổi trưởng thành; bà T được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lư Lê Diệu H2 đến tuổi trưởng thành. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của ông Lư Thanh L. Ông L và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn, về việc thi hành án và thời hạn kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 16/10/2017, bị đơn là bà Lê Thị Ngọc T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn là ông Lư Thanh L trình bày:

Ông và bà T mâu thuẫn nhau và thực tế không còn chung sống với nhau từ năm 2012, ông không còn tình cảm với bà T nên xin ly hôn. Ông là người phụ trách giám sát kỹ thuật thi công cho các công trình của công ty TNHH DV-TM LG, thu nhập khoảng 8.500.000 đồng/tháng, không phải là giám đốc công ty như bà T khai. Công ty TNHH DV-TM LG có bố trí chỗ ở cho nhân viên công ty ngay tại trụ sở công ty (đóng tại huyện C) để làm việc; Ông L nhận nuôi con tên Duy K, hai cha con ở trong một phòng ở của công ty, hàng tháng ông góp tiền với các nhân viên khác cùng ở lại trong công ty (khoảng 7,8 người) để nấu ăn chung, cháu K đi học tại trường dành cho trẻ khuyết tật tại huyện C gần công ty ông. Do con Duy K bị bệnh đao nhẹ nên hiện chỉ đang học cách sinh hoạt, giao tiếp,…chứ chưa học văn hóa. Hiện nay ông đang làm hồ sơ xin cho cháu K học bán trú tại cơ sở bảo trợ xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh dành cho trẻ em khuyến tật tại Thị Nghè, quận B, chi phí học ông lo, đến cuối tuần đi làm về ông sẽ đón con về nhà chăm sóc hoặc cho mẹ thăm. Ông không để con đi lạc mà là cháu K tự ra đón xe buýt về thăm mẹ, có thể chưa nhớ hết đường nên có người đưa về nhà giúp.

Con lớn là Hiếu đã trưởng thành, ông yêu cầu được nuôi con Duy K, giao con Diệu H2 cho bà T nuôi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; Nếu bà T muốn nuôi cả 2 con K, H2 ông cũng đồng ý nhưng chỉ cấp dưỡng nuôi con cả 2 con 1.000.000 đồng/tháng, vì phần thu nhập còn lại ông phải chi tiêu sinh hoạt cá nhân trên 5.000.000 đồng/tháng nên không thể cấp dưỡng nhiều hơn.

Bị đơn là bà Lê Thị Ngọc T đồng thời là người kháng cáo trình bày:

Bà thừa nhận từ năm 2012 đến nay giữa bà và ông L có mâu thuẫn, thực tế không còn sống chung, con chung tên Diệu H2 ra đời trong một lần ông L và bà gặp nhau tại đám cưới người thân, phát sinh quan hệ 01 lần mà có. Sau khi sinh con, ông L cho rằng không phải con mình nên không đến thăm mẹ con bà, cũng không cấp dưỡng nuôi con. Thời gian chung sống ông L thường xuyên đánh đập, bạo hành bà, rồi bỏ đi chung sống với nhiều người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Lúc đầu bà không đồng ý ly hôn vì muốn con có cha và bà vẫn còn thương ông L. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà đồng ý ly hôn với ông L vì biết không thể hàn gắn lại được.

Về con chung: tại tòa sơ thẩm bà không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu gì về con chung; nay bà kháng cáo không đồng ý giao con Duy K cho ông L nuôi dưỡng vì sau khi tòa sơ thẩm xử giao con Duy K cho ông L nuôi, ông L đã để cho con bà đi lạc, phải có người dắt về giao cho bà; ông L nuôi con nhưng không cho con đi học. Bà yêu cầu được nuôi cả 3 con trong đó con lớn là Hiếu đã trưởng thành nhưng còn đang đi học chưa đủ khả năng tự lập, con tên K bị bệnh đao nhẹ

và con tên H2 đang còn nhỏ. Bà T làm nghề giúp việc nhà theo giờ thu nhập khoảng 5.500.000 đồng/tháng đến 6.000.000 đồng/tháng; Làm việc ban ngày, chiều về đón con và ở tại nhà số X xã TTĐ, C, là tài sản chung của vợ chồng. Bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cả 3 con 9.200.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: bà và ông L có tài sản chung là: 1/ Căn nhà 942A tỉnh lộ 15 xã TTĐ, huyện C; 2/ Sổ tiết kiệm 735.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, bà đã sử dụng hết để nuôi con thời gian qua; 3/ Phần vốn góp trong công ty TNHH DV-TM LG, có trụ sở tại Khu phố 4, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bà xác định hai vợ chồng có góp vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng vào công ty này và ông L là giám đốc công ty, là người đứng tên quyền sử dụng đất tọa lạc công ty; bà muốn được chia đôi tài sản chung, tuy nhiên khi ở tòa sơ thẩm bà không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu chia tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bà T làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: bà T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lúc đầu không đồng ý ly hôn, tranh chấp nuôi con, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con và muốn được chia đôi tài sản chung; tuy nhiên sau đó cũng tại phiên tòa, bà T rút lại một phần yêu cầu, cụ thể: đồng ý ly hôn, yêu cầu nuôi cả 3 con và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 9.200.000 đồng/tháng. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ông L bà T đã trầm trọng, nay hai bên đồng ý ly hôn là phù hợp quy định pháp luật. Về con chung, bà T xin nuôi cả 3 con ông L cũng đồng ý, chỉ không thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con.Bà T có thu nhập thấp hơn ông L, nay một mình nuôi cả 3 con trong đó trẻ Duy K đang bị bệnh đao cần chi phí nuôi con nhiều hơn, ông L có thu nhập cao hơn bà T mà chỉ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là không phù hợp nên cần buộc ông L cấp dưỡng nuôi con K, H2, mỗi con 2.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi trẻ H2 đến khi tròn 18 tuổi, cấp dưỡng trẻ K đến khi đủ khả năng lao động để tự nuôi mình. Về tài sản chung hai bên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này; Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: đơn kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc T làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo qui định, được chấp nhập xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông L bà T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 1998 tại Uỷ ban nhân dân xã P huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là hôn nhân hợp pháp. Năm 2012 vợ chồng bà T ông L phát sinh mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến cả hai không còn sống chung, không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn khả năng hàn gắn nên ông L xin được ly hôn với bà T; lúc đầu bà T không đồng ý nhưng tại phiên tòa phúc thẩm thì chấp nhận ly hôn với ông L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay cả hai đồng ý ly hôn với nhau là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: theo ông L bà T trình bày thì hiện nay cả 3 con chung là Hiếu (đã trưởng thành), K và H2 đều đang ở với mẹ là bà T, bà T yêu cầu được nuôi cả 3 con, ông L đồng ý giao các con cho bà T nuôi nên yêu cầu kháng cáo của bà T được nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận; Tuy nhiên bà T và ông L không thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con, bà yêu cầu cấp dưỡng nuôi 2 con K, H2 9.200.000đ/tháng nhưng ông L chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng.

Tại Điều 69, Điều 71, Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã quy định việc nuôi con chưa thành niên là trách nhiệm chung của cha mẹ, xét thấy mức thu nhập hàng tháng của ông L cao hơn của bà T, nay bà T một mình nuôi 2 con K, H2 trong lúc trẻ K (sinh năm 2005) bị bệnh đao nhẹ, theo ông L trình bày trẻ K vẫn đang học cách sống, sinh hoạt, giao tiếp chứ chưa học văn hóa, nên cần có sự quan tâm và chế độ chăm sóc, dạy dỗ chuyên biệt phù hợp tình trạng bệnh lý, sự phát triển tâm sinh lý và thể chất của trẻ, nên chi phí cần thiết nuôi dưỡng trẻ K sẽ nhiều hơn so với trẻ bình thường, trẻ Diệu H2 sinh năm 2014 thì còn nhỏ, do đó ông L là cha có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo luật định. Ông L đồng ý cấp dưỡng nuôi 2 con 1.000.000 đ/tháng vì khoản thu nhập còn lại ông khai còn phải dùng để trang trải sinh hoạt cá nhận hơn 5.000.000 đ/tháng. Tuy ông L đồng ý cấp dưỡng nhưng mức cấp dưỡng nuôi con ông L đưa ra là 500.000 đồng/con/tháng là không đủ trang trải chi phí thiết yếu để nuôi 2 trẻ K, H2; do đó căn cứ mức thu nhập ông L khai tại Tòa, cần buộc ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 2 con chung K và H2 2.500.000đ/con/tháng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

Về tài sản chung: khi khởi kiện ông L yêu cầu chia tài sản chung nhưng sau đó đã rút yêu cầu nên tòa sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này là có cơ sở.Bà T tại tòa sơ thẩm không yêu cầu chia tài sản chung nên tại phiên tòa phúc thẩm đặt ra yêu cầu này tòa phúc thẩm không có cơ sở xem xét, nếu bà T, ông L có yêu cầu chia tài sản chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung bà T, ông L khai không có nên không xét.

[3] Về án phí: ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và việc cấp dưỡng nuôi con, theo qui định pháp luật; án phí dân sự phúc thẩm: do sửa một

phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các tại Điều 147, Điều 148, Điều 306, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 69,71, 81, 82, 83, và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hình thức: chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc T về mặt hình thức.

- Về nội dung: chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc T.Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 1213/2017/HNGĐ-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: ông Lư Thanh L được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc T. Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 06 do Ủy ban nhân dân xã P huyện C cấp cho ông L bà T vào ngày 20/4/2004 hết hiệu lực.

2. Về con chung: Ông L và bà T có 03 con chung là Lư Lê Duy Hiếu (nam), sinh ngày 01/6/1998 đã trưởng thành, Lư Lê Duy K (nam) sinh ngày 23/9/2005 và Lư Lê Diệu H2 (nữ) sinh ngày 30/4/2014.

Giao con chung là Lư Lê Duy K và Lư Lê Diệu H2 cho mẹ là bà Lê Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lư Thanh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Lư Lê Duy K 2.500.000đ/tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật đến khi trẻ Lư Lê Duy K có khả năng lao động để tự nuôi mình. Ông Lư Thanh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Lư Lê Diệu H2 2.500.000đ/tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật đến khi trẻ Lư Lệ Diệu H2 tròn 18 tuổi.

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L chưa thực hiện cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng ông L còn phải trả thêm tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của ông Lư Thanh L; nếu bà T, ông L có yêu cầu chia tài sản chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng ông Lư Thanh L phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông L đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006349 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Lư Thanh L phải nộp.

Hoàn lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.012.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006350 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Lê Thị Ngọc T không phải chịu. Hoàn lại cho bà Lê Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AA/2016/ 0007429 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C;
- UBND xã P, huyện C, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/18).

Phạm Thị Thu Phương